made for free at coggle.it

Demo lab: tạo DNS record tới trang web đơn giản Demo lab: custom domain cho S3 static web DNS: biên dịch 1 hostname sang địa chỉ IP simple policy như các DNS record thông thường trên các nền tảng cho thuê ý tưởng tương tự danh bạ điện thoại Khi yêu cầu tới 1 trang web: client thực hiện truy vấn dns không hỗ trợ health check trước, sau đó lấy mới truy cập địa chỉ IP của trang web thường sử dụng để trỏ tới 1 tài nguyên Local DNS server - DNS resolver tạo ra nhiều DNS record với các value giống hoặc khác nhau hệ thống DNS server Root DNS server đánh trọng số (weight) cho các DNS record nhằm xác định tần Top-level domain (TLD) server (vd: .com, .org,...) xuất DNS value được trả về Authoritative DNS server (vd: amazon.com, facebook.com) có hỗ trở healthcheck weighted policy Name, subdomain DNS cơ bản nằm trong khoảng từ 0 đến 255 Value: giá trị bản ghi DNS ■ 1 record với weight = 0: ngừng trả về value của record đó Type: loại bản ghi DNS DNS records nh weight tất cả record có weight = 0: trả về các value với tỉ lệ như nhau TTL - Time To Live: thời gian bản ghi DNS được cache lại Lab: weighted policy A: trả về value là IPv4 tạo ra nhiều DNS record với các value giống hoặc khác nhau AAAA: trả về value là IPv6 Multi-value policy có hỗ trợ health check CNAME: trả về giá trị hostname khác (VD: abc.com) DNS record types thường sử dụng để trỏ tới nhiều tài nguyên đích NS: trả về value là địa chỉ của authoritative nameserver tránh nhầm với Load Balancer do cơ chế hoạt động khác nhau Các bản ghi khác, tham khảo tại định nghĩa của RFC tạo ra nhiều DNS record với các value giống hoặc khác nhau Dịch vụ DNS của AWS overview có hỗ trợ healthcheck Route53 Vừa có thể đăng ký domain, vừa quản lý được domain 🗨 trả về giá trị DNS dựa trên vị trí địa lý của client thông qua địa chỉ cung cấp tính năng healthcheck **R53 Routing Policies** IP public của client public hosted zone: phạm vi sử dụng trên mạng lưới internet source location: trả về giá trị DNS nếu location của client tương ứng với source location private hosted zone: phạm vi sử dụng nội bộ trong AWS eolocation policy default: nếu không tương ứng với region nào, giá trị default sẽ DNS hosted zone Mỗi hosted zone tương ứng với 1 domain, có thể tạo nhiều sub được trả về domain của domain đó bên trong hosted zone cấu hình geolocation trong trường hợp không set defaut, có thể không có giá trị DNS \$0.5/m mỗi hosted zone được trả về nêu vị trí của client không nằm trong các cài đặt Lab: transfer domain từ dịch vụ khác sang Route 53 Lab: Geo location policy (thực hiện tương tự lab weighted) bản ghi định tới value là 1 tài nguyên trên AWS Alias record trả về giá trị DNS record dựa trên latency thấp nhất giữa client Route53 overview và AWS region không support 3rd Party có hỗ trợ healthcheck giúp monitor trạng thái của tài nguyên 🗨 latency-based policy hữu dụng với các ứng dụng và latency được đặt lên hàng đầu trực tiếp thực hiện request tới tài nguyên đôi khi, region gần hơn về mặt địa lý chưa chắc đã cho latency xác định dựa trên các healthcheck khác Healthcheck thấp hơn region ở xa phương pháp dựa trên cloudwatch alarm được sử dụng cho trường hợp active-passive failover tính năng của R53 cho phép xác định phương pháp trả về bản cần sử dụng healthcheck ghi DNS một cách chi tiết hơn cấu hình bản ghi primary: luôn ưu tiên trả về trong trường hợp support giao diện để cài đặt 🗨 primary record healthy cấu hình failover Geoproximity policy: trả về DNS dựa trên khoảng cách địa lý Traffic flow bản ghi secondary: trả về trong trường hợp bản ghi primary Failover policy giữa client và các region được cài đặt có thể mix các routing policy với nhau thông qua traffic flow case study kinh điển: sử dụng failover policy với primary trỏ vào hệ thống đang chạy và secondary trò vào s3 static web https://blog.runcloud.io/cloudflare-vs-route-53/ Lab: failover policy R53 vs Cloudflare https://mattgadient.com/geo-dns-cloudflare-vs-route-53-alook-and-short-test-results/ trả về giá trị DNS dựa trên khoảng cách giữa client và region chỉ có thể cấu hình thông qua traffic flow Geoproximity policy